

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 23-05-2019  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Đặng Thùy;

+ Ông Trần Như Học.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 05 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Anh Trần Chí H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

(Chị N có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2018, bản tự khai ghi ngày 19/03/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Chị N và anh H có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2016, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 07 tháng 03 năm 2016.

Lý do ly hôn: Sau khi thành hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H thường xuyên đánh đập chị N, đồng thời anh H không chăm lo làm ăn mà thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi và tham gia vào các tệ nạn xã hội như sử dụng ma túy đá. Chị N có khuyên can anh H nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi tính tình và không từ bỏ ma túy, sợ ảnh hưởng đến tính mạng nên chị N và anh H đã sống ly thân từ ngày 20 tháng 6 năm 2016. Vào tháng 8 năm 2018 chị N gửi đơn ly hôn anh H nhưng sau đó rút lại đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nhưng từ sau khi rút đơn ly hôn thì cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Chí H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Trần Chí H:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc chị N yêu cầu ly hôn, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vẫn không tham gia.

*Tại phiên tòa,* chị N và anh H vắng mặt nên không có ý kiến khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về thủ tục tố tụng**

Chị Nguyễn Hồng N yêu cầu ly hôn với anh Trần Chí H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh Trần Chí H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Chí H.

Chị Nguyễn Hồng N có đơn xin được vắng mặt trong phiên xét xử vì lý do bận đi làm ăn xa, yêu cầu này của chị N là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **[2]. Về nội dung vụ án**

- Về hôn nhân: Chị N và anh H có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tình thân tự nguyện vào năm 2016, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H giấy chứng nhận kết

hôn số 09/2016 ngày 07 tháng 03 năm 2016. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Hồng N và anh Trần Chí H được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa chị N và anh H có những bất hòa không thể hàn gắn được nên vào tháng 08 năm 2018 chị N gửi đơn xin ly hôn anh H sau đó rút lại đơn ly hôn để vợ chồng hàn gắn hôn nhân với nhau và Tòa án nhân dân huyện Năm Căn đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 58/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018.

Chị Nghi xác định từ khi chị rút đơn ly hôn cho đến nay thì chị N và anh H vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh H không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị N, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải hàn gắn hôn nhân, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hồng N đối với anh Trần Chí H theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Không có.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch chị Nguyễn Hồng N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị N được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Hồng N và anh Trần Chí H.
2. Về con chung: Không có nên không xem xét.
3. Về chia tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, chị N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016236 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Khánh**